

Số: 38/2023/QĐST-HNGĐ

Hồng Ngự, ngày 22 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1987. Địa chỉ: **ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.**

Bị đơn: Anh **Phạm Văn P**, sinh năm 1984. Địa chỉ: **ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Phạm Thị Kim T**, sinh năm 1975. Địa chỉ: **ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Ngọc D** và anh **Phạm Văn P**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Ngọc D** và anh **Phạm Văn P** thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về việc nuôi con:

+ Chị **Nguyễn Thị Ngọc D** được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Phạm Nguyễn Mỹ C**, sinh ngày 01/7/2015.

+ Anh **Phạm Văn P** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **D** tự nguyện không yêu cầu.

+ Sau khi ly hôn, anh **P** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh **P** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **D** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **P**.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng: Chị **Phạm Thị Kim T** thống nhất trả cho chị **Nguyễn Thị Ngọc D** tiền vay còn nợ 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm, thỏa thuận: Chị **Nguyễn Thị Ngọc D** và anh **Phạm Văn P** mỗi người chịu 75.000đ án phí ly hôn, chị **D** tự nguyện chịu thay tiền án phí ly hôn anh **P**, tổng cộng là 150.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.550.000đ theo biên lai thu số 0004334 ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Chị **D** được nhận lại 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). Chị **Phạm Thị Kim T** chịu 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đối với yêu cầu của chị **D** được chấp nhận.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thùy Dung